

MẪU CÔNG KHAI NĂM HỌC 2025-2026**Biểu mẫu 05**

(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

UBND XÃ VẠN TUỜNG
TRƯỜNG TH BÌNH THUẬN

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục phổ thông, năm học: 2025-2026

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp				
		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Điều kiện tuyển sinh	Trẻ em đúng 6 tuổi sinh năm 2019 có giấy khai sinh hợp lệ	Đã hoàn thành chương trình lớp 1	Đã hoàn thành chương trình lớp 2	Đã hoàn thành chương trình lớp 3	Đã hoàn thành chương trình lớp 4
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục tuân thủ	Chương trình GDPT 2018 35 tuần	Chương trình GDPT 2018 35 tuần	Chương trình GDPT 2018 35 tuần	Chương trình GDPT 2018 35 tuần	Chương trình GDPT 2018 35 tuần
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	Thông qua sổ liên lạc và các cuộc họp phụ huynh	Thông qua sổ liên lạc và các cuộc họp phụ huynh	Thông qua sổ liên lạc và các cuộc họp phụ huynh	Thông qua sổ liên lạc và các cuộc họp phụ huynh	Thông qua sổ liên lạc và các cuộc họp phụ huynh
IV	Điều kiện cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục cam kết phục vụ học sinh (như các loại phòng phục vụ học tập, thiết bị dạy học, tin học ...)	Có đầy đủ phòng học và thiết bị dành cho học sinh	Có đầy đủ phòng học và thiết bị dành cho học sinh	Có đầy đủ phòng học và thiết bị dành cho học sinh	Có đầy đủ phòng học và thiết bị dành cho học sinh	Có đầy đủ phòng học và thiết bị dành cho học sinh
V	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	Hoạt động Đội và hoạt động trải nghiệm	Hoạt động Đội và hoạt động trải nghiệm	Hoạt động Đội và hoạt động trải nghiệm	Hoạt động Đội và hoạt động trải nghiệm	Hoạt động Đội và hoạt động trải nghiệm
VI	Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý, phương pháp quản lý của cơ sở giáo dục	Có đội ngũ GV đầy đủ quản lý đúng quy	Có đội ngũ GV đầy đủ quản lý đúng quy	Có đội ngũ GV đầy đủ quản lý đúng quy	Có đội ngũ GV đầy đủ quản lý đúng quy	Có đội ngũ GV đầy đủ quản lý đúng quy

		định	định	định	định	định
VII	Kết quả đạo đức, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	Phẩm chất: Tốt 100% Đạt: 0 Năng lực: Tốt 81,2%, Đạt 15,9%, CCG 2,9% KQ cuối năm: HTCT lớp học 97,1% CHT 2,9%	Phẩm chất: Tốt 100% Đạt: 0 Năng lực: Tốt 73,7%, Đạt 24,6%, CCG: 1,7% KQ cuối năm: HTCT lớp học 98,3% CHT 1,7%	Phẩm chất: Tốt 100%, Đạt: 0%; Năng lực: Tốt 61,2%, Đạt 37,2%, CCG: 1,7% KQ cuối năm: HTCT lớp học 98,3% CHT 1,7%	Phẩm chất: Tốt 92,6%, Đạt 7,4% Năng lực: Tốt 66,4% Đạt 33,6% CCG KQ cuối năm: HTCT lớp học 100% CHT	Phẩm chất: Tốt 100%, Đạt: 0%; Năng lực: Tốt 63,5% Đạt 36,5% KQ cuối năm: HTCT lớp học 100%
VIII	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	Tốt	Tốt	Tốt	Tốt	Tốt

Văn Phòng, ngày 22 tháng 9 năm 2025



HIỆU TRƯỞNG

TRƯƠNG THỊ HÀNG

Biểu mẫu 08

(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của
Bộ Giáo dục và Đào tạo)

**UBND XÃ VẠN TƯỜNG
TRƯỜNG TH BÌNH THUẬN**

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường tiểu học, năm học 2025-2026

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	Đạt	
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	32			29		1	2	2	22	5	20	6		
I	Giáo viên	26			26					22	5	18	6		
	Trong đó số giáo viên chuyên biệt:	7			7					6	1	4	3		
1	Tiếng dân tộc														
2	Ngoại ngữ	3			3					2	1	2	1		
3	Tin học	2			2					2		2			
4	Âm nhạc	1			1					1			1		
5	Mỹ thuật	0			0						0		0		
6	Thể dục	1			1					1			1		
7	GV cơ bản	18			18					18	2	14	6		
8	GV TPT Đội	1			1					1			1		
II	Cán bộ quản lý	2			2						2	2			
1	Hiệu trưởng	1			1						1	1			
2	Phó hiệu trưởng	1			1						1	1			
III	Nhân viên	4			1		1	2	2						
1	Nhân viên văn thư														
2	Nhân viên kế toán	1			1				1						
3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên y tế														
5	Nhân viên thư viện	1					1		1						
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	0													
7	Nhân viên công nghệ thông tin	0													
8	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người	0													

	khuyết tật												
9	Nhân viên bảo vệ	2					2						

9

Nhân viên bảo vệ

2

2

Vạn Tường, ngày 22 tháng 9 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)



Trương Thị Hằng

Biểu mẫu 07

(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

**UBND XÃ VẠN TƯỜNG
TRƯỜNG TH BÌNH THUẬN**

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường tiểu học, năm học 2025-2026

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	25/18	23,6 m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	12	-
2	Phòng học bán kiên cố	13	-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ, mượn		-
III	Số điểm trường lẻ	2	-
IV	Tổng diện tích đất (m ²)	2400 m ²	3,7 m ²
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	2304,8 m ²	3,6 m ²
VI	Tổng diện tích các phòng	1939,3 m ²	3,06 m ²
1	Diện tích phòng học (m ²)	60 m ²	1,7 m ²
2	Diện tích thư viện (m ²)	2400 m ²	3,7 m ²
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)		
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	60 m ²	1,7 m ²
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)		
6	Diện tích phòng học tin học (m ²)	60 m ²	1,7 m ²
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	30 m ²	1 m ²
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)		
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m ²)	30 m ²	1 m ²
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	21/18	Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	31/18	1/1
1.1	Khối lớp 1	10	1/1
1.2	Khối lớp 2	6	1/1
1.3	Khối lớp 3	6	1/1
1.4	Khối lớp 4	6	1/1
1.5	Khối lớp 5	3	1/1
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 1		
2.2	Khối lớp 2		
2.3	Khối lớp 3		
2.4	Khối lớp 4		

2.5	Khối lớp 5		
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	46	13,8hs/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác	24	1,3 TB/lớp
1	Ti vi	17	
2	Cát xét	2	
3	Đầu Video/đầu đĩa	2	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	2	
5	Thiết bị khác...	2	
6			

	Nội dung	Số lượng(m ²)
X	Nhà bếp	
XI	Nhà ăn	

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú			
XIII	Khu nội trú			

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	2		4		0,031m ²
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30/12/2010 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

Vạn Tường, ngày 22 tháng 9 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)



Trương Thị Hằng